

Số: /2024/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định một số tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 29 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất về số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để

thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ;

Thực hiện Văn bản số 5652-CV/TU ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3387/TTr-STC ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Công văn số 4359/STC-GCSĐT ngày 17 tháng 10 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1974/BC-STP ngày 27 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định một số tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Thuận.

2. Quy định này không điều chỉnh: đối với các cơ quan trực thuộc khối Đảng và đối với xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế và xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, Văn phòng Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Hội Nông dân tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Số lượng xe ô tô khối Văn phòng cấp tỉnh:

a) Văn phòng Tỉnh ủy: Tối đa không quá 03 xe.

b) Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh: Tối đa không quá 05 xe.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Tối đa không quá 07 xe.

2. Số lượng xe ô tô Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh:

a) Sở, ban, ngành cấp tỉnh: 28 xe ô tô/18 đơn vị.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội: 05 xe ô tô/05 đơn vị.

3. Số lượng xe ô tô đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh: 12 xe ô tô/11 đơn vị.

4. Số lượng xe ô tô cấp huyện: 35 xe ô tô/ 07 huyện/thành phố.

(Chi tiết đính kèm theo Phụ lục 01)

Điều 4. Xe ô tô phục vụ công tác chung

Xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ, chi tiết đính kèm theo Phụ lục 02.

Điều 5. Xe ô tô chuyên dùng

1. Xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Đối tượng sử dụng, số lượng và chủng loại xe ô tô chuyên dùng được quy định: Chi tiết đính kèm theo Phụ lục 03.

b) Mức giá xe ô tô chuyên dùng phù hợp giá thị trường của chủng loại xe tương ứng tại thời điểm mua sắm.

2. Mua sắm xe ô tô chuyên dùng

a) Khi có nhu cầu trang bị xe ô tô chuyên dùng, các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào đối tượng, số lượng và chủng loại trang bị xe ô tô chuyên dùng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện khảo sát giá và dự toán ngân sách hàng năm. Có văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp nhu cầu, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Giá mua xe ô tô chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: lệ phí trước bạ; lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế (nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng) thì phải tính đủ số thuế được miễn này vào giá mua xe để xác định tiêu chuẩn, định mức.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng bảo đảm đúng mục đích theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Cho phép các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể bố trí sử dụng kết hợp xe ô tô chuyên dùng để phục vụ công tác chung mà không ảnh hưởng đến mục đích chính của xe chuyên dùng.

Điều 6. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức

1. Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung hoặc xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức, tổ chức hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy và tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện

1. Việc quy định số lượng, chủng loại xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức của từng cơ quan, đơn vị thuộc Tỉnh ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy) và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy. Văn phòng Tỉnh ủy trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau khi có ý kiến của Huyện ủy, Thành ủy) quyết định định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành phố; quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo một trong các phương thức quy định tại khoản 2, Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện mua sắm, quản lý, sử dụng xe ô tô thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức và các văn bản quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh tại Quyết định này và các văn bản có liên quan, thực hiện rà soát, sắp xếp lại số xe ô tô hiện có; thực hiện xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Đối với xe ô tô dùng chung dôi dư sau khi thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương để tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí tài sản công có thể bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng mà chưa có xe được sử dụng làm xe ô tô chuyên dùng của đơn vị.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung Phụ lục tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

3. Chánh Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các

ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp; (b/c)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Ninh Thuận; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.NDT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên